TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *111/2020/HNGĐ-ST*
Ngày: 3- *6 - 2020*
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơm;

2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 3 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc *"tranh chấp ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T2, xã H, huyện Đ, TP. C.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T2, xã H, huyện Đ, TP. C.

(Có ý kiến xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Văn M trình bày: Vào năm 1994, do quen biết, ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị B đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 29/5/1994. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng chung sống được hơn 01 năm, thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng không có được tiếng nói chung, ông M bị áp lực về mặt tinh thần, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1995 đến nay. Do thấy, hôn nhân không hạnh phúc nên ông M có đơn xin ly hôn với bà B; Về con chung ông M và bà B không có con chung.; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2020, bà Nguyễn Thị B trình bày: Về thời gian tiến tới hôn nhân bà không biết rõ, nhưng cách đây khoảng 20 năm bà và ông M đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, bà chỉ nhớ giữa bà và ông M không có làm giấy tờ kết hôn. Lúc đầu, bà và ông M sinh sống tại nhà mẹ ruột của bà, bà và ông M sống với nhau được 06 năm thì ông M bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cải nhau, ông M bỏ đi và có người phụ nữ khác, nay giữa bà và ông M không có khả năng đoàn tụ, bà B xác định không còn tình cảm với ông M, nên đồng ý ly hôn với ông M; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung không có. Hiện nay, bà rất khó khăn không thể đến Tòa án, nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được xét xử vắng mặt đối với bà.

Do bà B không yêu cầu Tòa án hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Phan Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị B; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác nếu có đơn yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị B, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông M có đơn xin ly hôn với bà B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B có ý kiến là giữa bà và ông Phan Văn M tiến tới hôn nhân không có tổ chức lễ cưới và không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông Phan Văn M cho rằng giữa ông và bà B tiến tới hôn nhân vào năm 1994 và có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, ông M cung cấp cho Tòa án bản sao trích lục kết hôn, ghi nhận ông M và bà B đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (củ) vào ngày 29/5/1994. Do đó, có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa ông M và bà B là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không có được tiến nói chung, các đương sự đã sống ly thân với khoảng thời gian dài, bản thân bà B cũng cho rằng giữa bà bà ông M không có khả năng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm, và đồng ý ly hôn với ông M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thật sự sâu sắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Nên, yêu cầu ly hôn của ông M có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Các đương sự không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác nếu có tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

[6] Về án phí: Ông M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn M với bà Nguyễn Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Các đương sự không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Ông Phan Văn M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai số 012973 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thựa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**